

Số: /QĐ-UBND

Bình Sơn, ngày tháng năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt kết quả tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đầu kỳ  
theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025  
trên địa bàn huyện Bình Sơn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 – 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 – 2025;*

*Căn cứ Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh về tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đầu kỳ; rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn Quảng Ngãi theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025;*

*Căn cứ Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 09/9/2021 của UBND huyện về tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đầu kỳ; rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn huyện theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025;*

*Theo đề nghị của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện (cơ quan thường trực Ban chỉ đạo giảm nghèo huyện) tại Tờ trình số 68 /TTr-LĐTBXH ngày 28/12/2021 về việc xin phê duyệt kết quả tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn huyện.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn huyện Bình Sơn như sau:

### **1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo**

- Tổng số hộ dân cư trên địa bàn huyện: 59.493 hộ. Trong đó.
- Hộ nghèo: 2.815 hộ, chiếm tỷ lệ 4,73 %.
- Hộ cận nghèo: 4.000 hộ, chiếm tỷ lệ 6,72 %.

### **2. Hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt chỉ số dịch vụ xã hội cơ bản**

- Hộ nghèo: Việc làm: 1.086 hộ, tỷ lệ 38,58%; người phụ thuộc trong hộ gia đình: 1.066 hộ, tỷ lệ 37,87%; dinh dưỡng: 14 hộ, tỷ lệ 0,50%; bảo hiểm y tế: 662 hộ, tỷ lệ 23,52%; trình độ giáo dục của người lớn: 85 hộ, tỷ lệ: 3,02%; tình trạng đi học ở trẻ em: 75 hộ, tỷ lệ 2,66%; chất lượng nhà ở: 608 hộ, tỷ lệ 21,60%; diện tích nhà ở bình quân đầu người: 340 hộ, tỷ lệ 12,08%; nguồn nước sinh hoạt: 820 hộ, tỷ lệ 29,13%; nhà tiêu hợp vệ sinh: 843 hộ, tỷ lệ 29,95%; sử dụng dịch vụ viễn thông: 2.089 hộ, tỷ lệ 74,21%; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin: 1.129 hộ, tỷ lệ 40,11%.

- Hộ cận nghèo: Việc làm: 1.103 hộ, tỷ lệ 27,58%; người phụ thuộc trong hộ gia đình: 849 hộ, tỷ lệ 21,23%; dinh dưỡng: 17 hộ, tỷ lệ 0,43%; bảo hiểm y tế: 962 hộ, tỷ lệ 24,05%; trình độ giáo dục của người lớn: 87 hộ, tỷ lệ 2,18%; tình trạng đi học ở trẻ em: 26 hộ, tỷ lệ 0,65%; chất lượng nhà ở: 543 hộ, tỷ lệ 13,58%; diện tích nhà ở bình quân đầu người: 174 hộ, tỷ lệ 4,35%; nguồn nước sinh hoạt: 525 hộ, tỷ lệ 13,13%; nhà tiêu hợp vệ sinh: 470 hộ, tỷ lệ 11,75%; sử dụng dịch vụ viễn thông: 2.120 hộ, tỷ lệ 53%; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin: 278 hộ, tỷ lệ 6,95%.

### **3. Hộ nghèo theo nhóm đối tượng**

- Hộ nghèo dân tộc thiểu số: 18 hộ, tỷ lệ 0,64% so với tổng số hộ nghèo, tỷ lệ 54,13% so với số hộ dân tộc thiểu số.
- Hộ nghèo không có khả năng lao động: 2.011 hộ, tỷ lệ 71,44% so với hộ nghèo.
- Hộ nghèo có đối tượng người có công với cách mạng: 6 hộ, tỷ lệ 0,21% so với hộ nghèo.

### **4. Hộ nghèo theo các nhóm dân tộc**

- Hộ nghèo dân tộc Kinh: 2.797 hộ, tỷ lệ 13,84% so với tổng số hộ nghèo.
- Hộ nghèo dân tộc Cor: 17 hộ, tỷ lệ 0,60 so với tổng số hộ nghèo.
- Hộ nghèo dân tộc Xơ đăng: 01 hộ, tỷ lệ 0,03% so với tổng số hộ nghèo.

### **5. Hộ nghèo theo các nguyên nhân nghèo**

- Không có đất sản xuất: 298 hộ; không có vốn sản xuất, kinh doanh: 246 hộ; không có lao động: 1.658 hộ; không có công cụ/phương tiện sản xuất: 34 hộ; không có kiến thức về sản xuất: 24 hộ; không có kỹ năng lao động, sản xuất: 36 hộ; có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn 1.112 hộ; nguyên nhân khác: 83 hộ.

### **6. Chỉ số thiếu hụt của trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo**

- Tổng số trẻ em thiếu hụt thuộc hộ nghèo: 267 trẻ. Trong đó: có 208 trẻ thiếu hụt về bảo hiểm y tế; 61 trẻ thiếu hụt về dinh dưỡng; 13 trẻ thiếu hụt về tình trạng đi học.

- Tổng số trẻ em thiếu hụt thuộc hộ cận nghèo: 421 trẻ. Trong đó: Có 315 trẻ thiếu hụt về bảo hiểm y tế; 105 trẻ thiếu hụt về dinh dưỡng; 02 trẻ thiếu hụt về tình trạng đi học.

*(Chi tiết đối với từng địa phương theo Phụ lục: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11 đính kèm).*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng huyện, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, Chi cục trưởng Chi cục Thống kê huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Sở Lao động - TB&XH;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Bảo hiểm xã hội huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- VPH: C, PCVP, CVVX, Web;
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phạm Quang Sự**